TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **115** /2023/QĐST- HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 19 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đào Thị Thu Thuỷ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Nhân và bà Lê Thị Thảo

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Uỷ ban Th- ờng vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 167/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc *"Ly hôn"*.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Vũ Thị Thanh X**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường Đ, thành phố T, tỉnh T.

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố 13, phường T, thành phố T, tỉnh T.

* *Bị đơn:* Anh **Bùi Quang T,** sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường Đ, thành phố T, tỉnh T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị Thanh X và anh Bùi Quang T.

- *Về con chung:* Giao con chung là Bùi Thùy D, sinh ngày 25/8/2018 cho chị Vũ Thị Thanh X trực tiếp nuôi d- ỡng, chăm sóc và giáo dục sau ly hôn. Anh Bùi Quang T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Vũ Thị Thanh X, mức cấp dưỡng là

1.000.000đ (*Một triệu đồng*)/ tháng. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, kể từ tháng 5/2023 cho đến khi con Bùi Thùy D đủ 18 tuổi.

Anh Bùi Quang T có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Tr- ờng hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả t- ơng ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền đ- ợc thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

- *Về tài sản chung:* Chị Vũ Thị Thanh X và anh Bùi Quang T tự thoả thuận về tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Chị Vũ Thị Thanh X và anh Bùi Quang T không vay nợ chung và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Vũ Thị Thanh X tự nguyện nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000446 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị Vũ Thị Thanh X đã nộp đủ án phí của vụ án.

Anh Bùi Quang T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS Tp Tuyên Quang (để TH);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường Đội Cấn, Tp Tuyên Quang (để biết);
- Lưu hồ sơ VA+ TA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Thu Thuỷ

(6)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

(6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:
- Ghi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)